

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 1 đến ngày 7/7/2026)**

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-120mm, có nơi trên 150mm; riêng Tuyên Quang 150-300mm, có nơi trên 350mm như Bắc Quang (Tuyên Quang) 395mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 79%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 12%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn TBNN 15%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua thấp hơn TBNN cùng kỳ 19%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 70-120mm, có nơi trên 150mm; riêng khu vực Đồng Bằng 30-50mm, có nơi trên 70mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo tăng do có mưa lớn trên lưu vực và thấp hơn TBNN cùng kỳ 32%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 184%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế tăng so với 7 ngày trước do hồ Sơn La tăng điều tiết kết hợp với ảnh hưởng mưa trên lưu vực; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 14%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết từ các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng

của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 100-150mm, có nơi trên 200mm như Chợ Rã (Thái Nguyên) 237mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy có dao động lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 67%.

+ Trên sông Lục Nam: dòng chảy tại trạm thủy văn Chũ có dao động lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 80%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 80-120mm, có nơi trên 200mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy sẽ biến đổi chậm 2-3 ngày đầu và có khả năng lên lại trong những ngày cuối; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 48%.

+ Trên sông Lục Nam, dòng chảy sẽ xuất hiện dao động lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo lớn hơn so với kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 52%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa: phía Bắc (Thanh Hóa-Hà Tĩnh) phổ biến 20-40mm, có nơi trên 50mm như Hội Xuân (Thanh Hóa) 56.6mm, Tương Dương (Nghệ An) 56.8mm; phía Nam phổ biến 5-20mm, có nơi trên 100mm như Nam Đông (Tp. Huế) 110.9mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực ít biến đổi so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 49%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 48%, sông Ngân Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 53%, sông Ngân Phố tại trạm Sơn Diêm thấp hơn khoảng 98%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 229%.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: phổ biến 20-50mm, có nơi trên 80mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tăng hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ 55%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 47%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 53%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 93%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 262%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa:

Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi trên 80mm như Trà My (Tp. Đà Nẵng) 94mm, Ba Tơ (Quảng Ngãi) 81mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 27%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn 21%.

+ - Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 19%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 78%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 13%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 82%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 87%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa:

Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến 30-70mm, có nơi trên 120mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 21%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang thấp hơn 23%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 83% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 10% so với TBNN.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 10-30mm; phía Nam phổ biến 20-50mm, có nơi trên 150mm như Trị An (Đồng Nai) 189mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana biến đổi ở mức thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 82%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 51%. + Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 80-130mm, có nơi trên 200mm. Tổng lượng mưa: phổ biến 80-130mm, có nơi trên 200mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana biến đổi ở mức tương đương và tăng so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 81%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 44%. + Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu có khả năng thấp hơn TBNN 25%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc có khả năng thấp hơn TBNN 43%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 08/07/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/07/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 9 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	106	<34	62.8	18.1	2.4	15.6	15.1	12	5.7	131.7	<3
	Sơn La	7.9	<89	51	8.7	2.3	14.3	13	16.3	14.5	120.1	>117
	Hòa Bình	17.9	<79	81.7	4.3	10.4	14.4	5	6.7	6.3	128.8	>104
	Lào Cai	121.8	>80	85.2	5.6	0.3	11.5	16.9	3.4	6.3	129.2	>121
	Yên Bái	92.9	>32	57.9	17.7	15.5	25.2	3.5	11.6	7.3	138.7	>166
	Tuyên Quang	295.1	>260	44.1	15.2	11.8	11.8	15.1	28.5	6.4	132.9	>165
	Hà Giang	168.9	>27	49.5	17.1	3.8	8.6	6.5	8.4	3.5	97.4	<33
	Láng	117.1	>38	16.4	4.5	4.9	12.6	0.3	6.2	3.5	48.4	<7
	Thái Bình	49.2	>2	8.2	2.1	18.7	14.6	0.1	0.2	1.8	45.7	>25
	Nam Định	29.3	<52	6.1	1.2	7.9	10.9	0.2	0.7	5.7	32.7	>7
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Kạn	76.6	<7	47.6	14.3	10.2	16.6	12	21	4.3	126	>106
	Thái Nguyên	155.1	>60	46.8	7.9	8.4	12.5	7.1	14.3	8.5	105.5	>30
	Bắc Ninh	20.7	<70	37.5	6.9	7.5	11.4	0.9	6	3.5	73.7	>21
	Lạng Sơn	52.1	<20	37.1	7.7	3.1	48.9	7.8	15.8	3.9	124.3	>186
	Bắc Giang	39.1	<48	41.2	4.3	4.7	15.1	8.1	9.7	6	89.1	>74
	Hải Dương	22.9	<69	39.2	5.8	10.1	10.9	2.1	4.5	6.5	79.1	>92
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	56.6	<21	10.5	6	5.9	10.5	4.6	6.1	4.4	48	<32
	Bái Thượng	41.9	<27	7.1	3.5	11.6	10.2	0.1	0.2	1.5	34.2	<23
	Thanh Hóa	0.1	<100	6.3	2.4	8.7	4.2	0.3	0.2	4.6	26.7	<43
	Quỳ Châu	56.8	>12	25.4	5	14.2	7.1	2.7	1.7	8.7	64.8	>48
	Tương Dương	57	>34	31	7	7.2	7.5	12.1	5.9	14.3	85	>152
	Đô Lương	11.7	<77	20.6	6.7	6	1.2	1.6	1.3	14.3	51.7	>123
	Vinh	7.8	<80	9.1	2.1	3.2	0.9	1.2	0.3	18.8	35.6	>221

Khu vực	Trạm	Thực đo 9 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Hương Sơn	0	<100	10.2	3.2	5.1	2	1.7	0.9	7.9	31	>27
	Hương Khê	19.5	<56	12.8	7.5	4.1	1.2	1.4	0.8	33.3	61.1	>134
	Hà Tĩnh	23.5	<42	15.3	1.4	3.8	0.2	6	0.5	12.6	39.8	>181
	Đồng Hới	0	<100	8.4	2	8.1	4.5	1.6	3.6	16.2	44.4	>210
	Quảng Trị	3.8	<83	5.6	2.3	3.4	2	1.7	1.8	4.1	20.9	>49
	Nam Đông	110.9	>152	17.7	9.7	3.7	12.9	3.6	0.6	0.9	49.1	>32
	Huế	44.6	>88	6.3	5.9	5.9	13.2	0.9	0.5	0	32.7	>110
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	8.4	<67	1.1	0.9	5.2	7.8	7.7	0.3	0.3	23.3	>29
	Trà My	93.9	>72	9.3	6.8	7.7	27.1	8.7	5.8	0.7	66.1	>121
	Ba Tơ	81.1	>109	18.8	12.8	12	12.3	4.2	3.9	0.6	64.6	>149
	Quảng Ngãi	9.4	<68	3.7	9.5	8.5	11.1	10	0.3	0.1	43.2	>159
	Quy Nhơn	28	>290	9.1	20.5	3.9	13.2	4.9	4.7	1.2	57.5	>426
	An Khê	7.3	<78	8.2	15.9	4.8	5.3	3.3	2.6	1.3	41.4	>31
	Tuy Hòa	14.1	>55	7.5	20.9	7.5	8.4	2	6.1	1.5	53.9	>547
Lưu vực sông Mê Công	Nha Trang	4.7	<69	15.8	19.1	26.5	24.3	23.3	25.6	2.2	136.8	>1927
	Kon Tum	10.7	<87	9.9	47.4	27	23.9	17.1	8.2	5.1	138.6	>119
	Lắk	46	<44	7.4	15.3	8.3	17.2	5.8	16.2	5.9	76.1	>30
	Buôn Mê Thuật	20.1	<74	13.4	22.9	23.2	23.4	10	22.3	7.4	122.6	>110
	Biên Hòa	21.5	<71	19.2	13.8	25.1	18.2	12	11.6	12.3	112.2	>69
	Cần Thơ	11.3	<78	21.9	29.6	29	16.1	6.8	11.5	2.7	117.6	>100

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/07/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 23/06 đến 30/06	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				01/07	02/07	03/07	04/07	05/07	06/07	07/07	Tổng	
Thao	Yên Bái	103	<79	111	90	40	29	17	15.0	17	320	<32
Lô	Tuyên Quang	465	<12	225	190	156	138	130	190.0	225	1252	>184
Đà	Hồ Hòa Bình	1776.1	>15	332.6	302.4	259.2	216	190.1	276.5	319.7	1896.5	>14
Hồng	Hà Nội	1535.8	<19	302	307	287	272	252	232.0	222	1872	>4
Cầu	Gia Bảy	100.3	>67	25.32	22.72	18.06	13.82	11.84	8.6	4.84	105	>48
Lục Nam	Chũ	8.55	<80	2.83	2.76	3.11	0	3.89	2.4	0.86	19	<52
Mã	Cắm Thủy	143.6	< 49	17.24	16.42	16.09	16.42	15.76	15.4	17.56	114.91	< 55
Cả	Yên Thượng	161.6	< 48	15.88	15.12	14.82	15.12	14.52	14.2	16.18	105.84	< 47
La	Hòa Duyệt	16.4	< 53	1.68	1.6	1.57	1.6	1.53	1.5	1.71	11.1888	< 53
Tả Trạch	Thượng Nhật	20	> 229	2.2	2	1.8	1.7	1.8	1.6	1.5	12.6	> 262
Thu Bồn	Nông Sơn	63.7	< 27	6.6	6.2	5.6	5.4	5.4	4.9	4.7	38.8	< 21
Trà Khúc	Sơn Giang	55	< 21	5.4	4.8	4.5	4.1	4.3	3.8	3.5	30.4	< 23
Ba	Cùng Sơn	10.77	<78	1.56	2.16	1.9	1.73	1.64	1.6	1.56	12.11	<83
Cái N,T	Đồng Trăng	15.91	<13	2.33	2.76	2.42	2.25	2.16	1.9	1.9	15.72	<10
ĐăkBlá	KonTum	7.64	< 82	1	0.94	1.09	1.14	1.15	1.1	0.97	7.2	< 81
Srêpôk	Giang Sơn	19.52	< 51	1.66	1.87	2.12	2.45	2.9	3.0	2.76	16.8	< 44
Tiền	Tân Châu			557	590	628	654	686	732.0	767	4613	<25
Hậu	Châu Đốc			69	72	77	85	93	101.0	111	610	<43